

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24-3-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị V, sinh năm: 1992 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 19, tổ 18, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Tổ 02, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1990 (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 19, tổ 18, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị V và anh Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 160, quyền số 01/2014 ngày 19-9-2014. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không bên nào ép buộc bên nào, được sự đồng ý của hai bên gia đình và tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên qua một thời gian chung sống thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt về tình cảm. Từ những mâu thuẫn liên quan đến tình cảm, kinh tế, tài chính lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng không có sự đồng cảm với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai bên. Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm cũng như được gia đình hai bên hòa giải, nhưng vẫn không giải quyết được. Chị V về nhà cha mẹ ruột ở X sinh sống từ tháng 11-2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng hơn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung và cấp dưỡng: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 10-8-2015 và cháu Nguyễn Nhật K, sinh ngày 09-7-2017. Theo đơn khởi kiện, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị V đồng ý giao cho anh C nuôi dưỡng và cấp dưỡng theo khả năng của mình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh C xác nhận lời trình bày của chị V về việc chung sống, đăng ký kết hôn và con chung là đúng.

- Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung. Cách đây khoảng 4 – 5 năm, anh C bị tai nạn lao động nên sức khỏe không tốt, từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và nhiều lần chị V bỏ nhà đi, nhưng không biết đi đâu và có lần còn uống thuốc tự tử phải đưa đi bệnh viện cấp cứu. Tháng 11-2021, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn nên chị V bỏ về nhà cha mẹ ruột ở X sinh sống từ đó cho đến nay, để lại con cho anh C và bà nội nuôi dưỡng mà không hề quan tâm. Trong thời gian chị V về X sinh sống anh C nhiều lần gọi điện thoại hẹn gặp nhau để hàn gắn tình cảm, nhưng chị V cố tình không gặp, đến nhà thì chị V tránh không gặp mặt. Anh C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng có thể hàn gắn được và do theo đạo nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V. Nếu như chị V kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung và cấp dưỡng: Nếu như chị V kiên quyết xin ly hôn và được Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh C yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu

cầu chị V cấp dưỡng. Nếu chị V có nguyện vọng cấp dưỡng cho con anh C không ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 205, 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các điều 225, 237 và 239 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh C. Giao cháu Nguyễn Nhật M và cháu Nguyễn Nhật K cho anh C nuôi dưỡng, chị V không phải cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị V xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh C được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, anh C vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình tổ tụng anh C và chị V thừa nhận sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung, nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách khác nhau. Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã tìm cách hàn gắn cũng như được gia đình hai bên góp ý, hòa giải nhưng không giải quyết được. Vợ chồng có một thời gian dài sống mỗi người một nơi, nhưng không hàn gắn được tình cảm nên chị V yêu cầu được ly hôn, anh C thì cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng có thể hàn gắn được và do theo đạo nên không đồng ý ly hôn, nhưng nếu chị V kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật đã một thời gian dài sống ly thân, nhưng không hàn gắn được cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn và nhân gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của chị V là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung và anh C không phải cấp dưỡng. Tuy nhiên, trong quá trình tổ tụng và tại phiên tòa chị V đồng ý giao con cho anh C nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay các cháu đang ở với anh C và anh C cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu nên giao cháu cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp đúng nguyện vọng của các bên. Việc anh C không yêu cầu chị V cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí: Chị V là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 244, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị V về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Nguyễn Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 10-8-2015 và cháu Nguyễn Nhật K, sinh ngày 09-7-2017 cho anh Nguyễn Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị Bùi Thị V không phải cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Chị Bùi Thị V phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008652 ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND xã Phước Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án...

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Hoàng Đức